

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH Q**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:10A/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/5/2022

V/v “*Tranh chấp HN - GD*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH Q**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Phan Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đàm Chí Thân và bà Vũ Thị Thanh

-Thư ký phiên toà: bà Mai Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Q tham gia phiên toà: ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 26/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/5/2022 giữa:

Nguyên đơn: chị **Vũ Thị Ngọc A**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: khu Y, phường M, thị xã Q, tỉnh Q. Có mặt tại phiên tòa

Bị đơn: anh **Lê Văn T**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: khu Y, phường M, thị xã Q, tỉnh Q. Vắng mặt tại phiên tòa (đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị Vũ Thị Ngọc A khai: chị Vũ Thị Ngọc A và anh Lê Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 14/6/2012 tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã Q, tỉnh Q. Trước khi kết hôn, chưa ai có vợ hoặc chồng và không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại khu Y, phường M, thị xã Q, tỉnh Q. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi

cọ, xô xát thậm chí đánh nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Chị Ngọc Anh đã chuyển về nhà bố mẹ để sống. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị Ngọc Anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T

Về con chung: quá trình chung sống chị Vũ Thị Ngọc A và anh Lê Văn T xác nhận không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có quan điểm trình bày.

Tại Biên bản xác minh ngày 07/2/2022, đại diện trưởng khu Y, phường M, thị xã Q cung cấp như sau: chị Vũ Thị Ngọc A và anh Lê Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 14/6/2012 tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã Q, tỉnh Q. Trước khi kết hôn, chưa ai có vợ hoặc chồng và không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại khu Y, phường M, thị xã Q, tỉnh Q. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, xô xát thậm chí đánh nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Chị Ngọc Anh đã chuyển về nhà bố mẹ để sống. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Anh Lê Văn T có hộ khẩu thường trú và cư trú tại khu Y, phường M, thị xã Q, tỉnh Q. Nay chị Ngọc Anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tú, đại diện khu phố đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Quá trình chung sống chị Vũ Thị Ngọc A và anh Lê Văn T không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Đại diện khu phố không nắm được nên không có quan điểm.

Tại Thông báo số 17/TB-TA ngày 21/01/2022, Tòa án thông báo cho các đương sự có mặt tại trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 28/01/2022. Do anh Tú vắng mặt không có lý do và chị Ngọc Anh có đơn xin vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đã lập Biên bản về việc không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm: nguyên đơn chị Vũ Thị Ngọc A giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn

T. Về con chung: quá trình chung sống chị Vũ Thị Ngọc A và anh Lê Văn T xác nhận không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa về cơ bản đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn chấp hành pháp luật tố tụng. Về nội dung: đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Ngọc A, xử cho chị Vũ Thị Ngọc A được ly hôn anh Lê Văn T. Về con chung: quá trình chung sống chị Vũ Thị Ngọc A và anh Lê Văn T xác nhận không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền xét xử của Tòa án: chị Vũ Thị Ngọc A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T hiện đang cư trú tại Khu Y, phường M, thị xã Q, tỉnh Q. Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q thụ lý, giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc xét xử tại phiên tòa sơ thẩm: tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai chị Vũ Thị Ngọc A và anh Lê Văn T đến tham gia phiên tòa sơ thẩm, chị Ngọc Anh có mặt, anh Tú vắng mặt. Việc anh Lê Văn T không đến tham gia phiên tòa là tự từ bỏ quyền của mình trước pháp luật. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: chị Vũ Thị Ngọc A và anh Lê Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 14/6/2012 tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã Q, tỉnh Q. Trước khi kết hôn, chưa ai có vợ hoặc chồng và không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại khu Y, phường M, thị xã Q, tỉnh Q. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, xô xát thậm chí đánh nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Chị Ngọc Anh đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sống. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm giữa chị Ngọc Anh và anh Tú không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, giữa hai người không có

khả năng đoàn tụ; chị Vũ Thị Ngọc A khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Văn T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên được chấp nhận.

Về con chung: quá trình chung sống chị Vũ Thị Ngọc A và anh Lê Văn T xác nhận không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Vũ Thị Ngọc A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: chị Vũ Thị Ngọc A và anh Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị Ngọc A

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Vũ Thị Ngọc A được ly hôn với anh Lê Văn T

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Vũ Thị Ngọc A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị Vũ Thị Ngọc A đã nộp theo Biên lai thu số 00010554 ngày 09/12/2021 tại Chi Cục thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Q. Chị Vũ Thị Ngọc A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: chị Vũ Thị Ngọc A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- VKSND thị xã Q;
- Chi cục THADS TX Q;
- TAND tỉnh Q;
- UBND phường M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Hùng